



**SUTTANTAPIṬAKE**  
**MAJJHIMANIKĀYO**  
**TATIYO BHĀGO**  
**UPARIPAṆṆĀSAKO**  
**&**  
**TẠNG KINH**  
**TRUNG BỘ**  
**TẬP BA**  
**NĂM MƯỜI KINH CUỐI**

### 3. 5. 6. CHA CHAKKA SUTTAṀ

Evam me sutam: Ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattiyāṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi: “Bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

“Dhammaṃ vo bhikkhave, desissāmi ādikalyāṇaṃ majjhekalyāṇaṃ pariyosānakalyāṇaṃ sātthaṃ savyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ brahmacariyaṃ pakāsissāmi, yadidaṃ cha chakkāni. Taṃ suṇātha sādhukaṃ manasikarotha. Bhāsissāmi”ti.

“Evaṃ bhante”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

“Cha ajjhattikāni āyatanāni veditabbāni. Cha bāhirāni āyatanāni veditabbāni. Cha viññāṇakāyā veditabbā. Cha phassakāyā veditabbā. Cha vedanākāyā veditabbā. Cha taṇhākāyā veditabbā.

Cha ajjhattikāni āyatanāni veditabbāni ’ti iti kho panetaṃ vuttaṃ. Kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Cakkhāyatanaṃ sotāyatanaṃ ghāṇāyatanaṃ jivhāyatanaṃ kāyāyatanaṃ manāyatanaṃ. Cha ajjhattikāni āyatanāni veditabbāni ’ti iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ paṭhamaṃ chakkaṃ.

Cha bāhirāni āyatanāni veditabbāni ’ti iti kho panetaṃ vuttaṃ, kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Rūpāyatanaṃ saddāyatanaṃ gandhāyatanaṃ rasāyatanaṃ phoṭṭhabbāyatanaṃ dhammāyatanaṃ. Cha bāhirāni āyatanāni veditabbāni ’ti. Iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ dutiyaṃ chakkaṃ.

Cha viññāṇakāyā veditabbā ’ti iti kho panetaṃ vuttaṃ, kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Cakkhuṅca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhaviññāṇaṃ. Sotaṅca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ. Ghāṇaṅca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ. Jivhaṅca paṭicca rase ca uppajjati jivhaviññāṇaṃ. Kāyaṅca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ. Manaṅca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ. Cha viññāṇakāyā veditabbā ’ti iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ tatiyaṃ chakkaṃ.

Cha phassakāyā veditabbā ’ti iti kho panetaṃ vuttaṃ, kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Cakkhuṅca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Sotaṅca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Ghāṇaṅca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Jivhaṅca paṭicca rase ca uppajjati jivhaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Kāyaṅca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Manaṅca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Cha phassakāyā veditabbā ’ti iti yaṃ taṃ vuttaṃ idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ catutthaṃ chakkaṃ.

## 148. KINH GIẢNG VỀ SÁU NHÓM SÁU

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời, đức Thế Tôn trú ở thành Sāvatti, tại Jetavana, nơi tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Chính tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: “Này các tỳ khưu.” “Bạch ngài,” các tỳ khưu ấy đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các tỳ khưu, Ta sẽ thuyết giảng cho các người Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, Ta sẽ giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, tức là sáu nhóm sáu.[?] Các người hãy lắng nghe và khéo chú ý vấn đề ấy, Ta sẽ giảng.”

“Bạch ngài, xin vâng.” Các tỳ khưu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Sáu nội xứ cần phải biết. Sáu ngoại xứ cần phải biết. Sáu nhóm thức cần phải biết. Sáu nhóm xúc cần phải biết. Sáu nhóm thọ cần phải biết. Sáu nhóm ái cần phải biết.[?]”

‘Sáu nội xứ cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu nội xứ cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ nhất.

‘Sáu ngoại xứ cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu ngoại xứ cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ nhì.

‘Sáu nhóm thức cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên. Liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên. Liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên. Liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên. Liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên. Liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu nhóm thức cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ ba.

‘Sáu nhóm xúc cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu nhóm xúc cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ tư.

Cha vedanākāyā veditabbā 'ti iti kho panetaṃ vuttaṃ, kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā vedanā. Sotañca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ, —pe— Ghānañca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ, —pe— Jivhañca paṭicca rase ca uppajjati jivhāviññāṇaṃ, —pe— Kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ, —pe— Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassa paccayā vedanā. Cha vedanākāyā veditabbā 'ti iti yaṃ taṃ vuttaṃ. Idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ pañcamaṃ chakkaṃ.

Cha taṇhākāyā veditabbā 'ti iti kho panetaṃ vuttaṃ, kiñcetaṃ paṭicca vuttaṃ. Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā. Sotañca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ, —pe— Ghānañca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ, —pe— Jivhañca paṭicca rase ca uppajjati jivhāviññāṇaṃ, —pe— Kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ, —pe— Manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā. Cha taṇhākāyā veditabbā 'ti iti yaṃ taṃ vuttaṃ, idametaṃ paṭicca vuttaṃ. Idaṃ chaṭṭhaṃ chakkaṃ.

'Cakkhuṃ<sup>1</sup> attā 'ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati.<sup>2</sup> Cakkhussa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, 'attā me uppajjati ca veti cā 'ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati 'cakkhuṃ attā 'ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā.

'Rūpā attā 'ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Rūpānaṃ uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, 'attā me uppajjati ca veti cā 'ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati 'rūpā attā 'ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā, rūpā anattā.

'Cakkhuviññāṇaṃ attā 'ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Cakkhuviññāṇassa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, 'attā me uppajjati ca veti cā 'ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati 'cakkhuviññāṇaṃ attā 'ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā.

'Cakkhusamphasso attā 'ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Cakkhusamphassassa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, 'attā me uppajjati ca veti cā 'ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati 'cakkhusamphasso attā 'ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā, cakkhusamphasso anattā.

<sup>1</sup> cakkhu - Ma, Simu.

<sup>2</sup> uppajjati - PTS.

‘Sáu nhóm thọ cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc; do duyên xúc có thọ. Liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc; do duyên xúc có thọ. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu nhóm thọ cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ năm.

‘Sáu nhóm ái cần phải biết,’ điều này quả là đã được nói như vậy. Và điều này đã được nói liên quan đến cái gì? Liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc; do duyên xúc có thọ; do duyên thọ có ái. Liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên. —(như trên)— Liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc; do duyên xúc có thọ; do duyên thọ có ái. Điều đã được nói rằng: ‘Sáu nhóm ái cần phải biết’ là đã được nói liên quan đến điều này. Đây là nhóm sáu thứ sáu.

Người nào nói rằng: ‘Mắt là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của mắt được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Mắt là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Các sắc là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của các sắc được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Các sắc là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã, các sắc không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Nhãn thức là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của nhãn thức được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Nhãn thức là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã, các sắc không là tự ngã, nhãn thức không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Nhãn xúc là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của nhãn xúc được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Nhãn thức là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã, các sắc không là tự ngã, nhãn thức không là tự ngã, nhãn xúc không là tự ngã.

‘Vedanā attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Vedanāya uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘vedanā attā ’ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā, cakkhusamphasso anattā, vedanā anattā.

‘Taṇhā attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Taṇhāya uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘taṇhā attā ’ti yo vadeyya. Iti cakkhuṃ anattā, rūpā anattā, cakkhuviññāṇaṃ anattā, cakkhusamphasso anattā, vedanā anattā, taṇhā anattā.

‘Sotaṃ attā ’ti yo vadeyya —pe— ‘Ghānaṃ attā ’ti yo vadeyya —pe— ‘Jivhā attā ’ti yo vadeyya —pe— ‘Kāyo attā ’ti yo vadeyya —pe— ‘Mano attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Manassa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vāyopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘mano attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā.

‘Dhammā attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Dhammānaṃ uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘dhammā attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā, dhammā anattā.

‘Manoviññāṇaṃ attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Manoviññāṇassa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘dhammā attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā.

‘Manosamphasso attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Manosamphassassa uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘manosamphasso attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā, manosamphasso anattā.

‘Vedanā attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Vedanāya uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘vedanā attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā, manosamphasso anattā, vedanā anattā.

Người nào nói rằng: ‘Thọ là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của thọ được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Thọ là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã, các sắc không là tự ngã, nhãn thức không là tự ngã, nhãn xúc không là tự ngã, thọ không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Ái là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của ái được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Ái là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, mắt không là tự ngã, các sắc không là tự ngã, nhãn thức không là tự ngã, nhãn xúc không là tự ngã, thọ không là tự ngã, ái không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Tai là tự ngã’ —(như trên)— Người nào nói rằng: ‘Mũi là tự ngã’ —(như trên)— Người nào nói rằng: ‘Lưỡi là tự ngã’ —(như trên)— Người nào nói rằng: ‘Thân là tự ngã’ —(như trên)— Người nào nói rằng: ‘Ý là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của ý được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Ý là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Các pháp là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của các pháp được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Các pháp là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã, các pháp không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Ý thức là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của ý thức được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Ý thức là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã, các pháp không là tự ngã, ý thức không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Ý xúc là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của ý xúc được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Ý xúc là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã, các pháp không là tự ngã, ý thức không là tự ngã, ý xúc không là tự ngã.

Người nào nói rằng: ‘Thọ là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của thọ được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Thọ là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã, các pháp không là tự ngã, ý thức không là tự ngã, ý xúc không là tự ngã, thọ không là tự ngã.

‘Taṇhā attā ’ti yo vadeyya, taṃ na upapajjati. Taṇhāya uppādopi vayopi paññāyati. Yassa kho pana uppādopi vayopi paññāyati, ‘attā me uppajjati ca veti cā ’ti iccassa evamāgataṃ hoti. Tasmā taṃ na upapajjati ‘taṇhā attā ’ti yo vadeyya. Iti mano anattā, dhammā anattā, manoviññāṇaṃ anattā, manosamphassa anattā, vedanā anattā, taṇhā anattā.

Ayaṃ kho pana bhikkhave, sakkāyasamudayagāminī paṭipadā: cakkhuṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Rūpe ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Cakkhuviññāṇaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Cakkhusamphassaṃ etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Vedanaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Taṇhaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Sotaṃ ‘etaṃ mama, —pe— Ghānaṃ ‘etaṃ mama, —pe— Jivhaṃ ‘etaṃ mama, —pe— Kāyaṃ ‘etaṃ mama, —pe— Manaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Dhamme ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Manoviññāṇaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Manosamphassaṃ etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Vedanaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati. Taṇhaṃ ‘etaṃ mama, esohamasmi, eso me attā ’ti samanupassati.

Ayaṃ kho pana bhikkhave, sakkāyanirodhagāminīpaṭipadā: cakkhuṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Rūpe ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Cakkhuviññāṇaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Cakkhusamphassaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Vedanaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Taṇhaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Sotaṃ ‘netam mama, —pe— Ghānaṃ ‘netam mama, —pe— Jivhaṃ ‘netam mama, —pe— Kāyaṃ ‘netam mama, —pe— Manaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Dhamme ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Manoviññāṇaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Manosamphassaṃ netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Vedanaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati. Taṇhaṃ ‘netam mama, nesohamasmi, na meso attā ’ti samanupassati.



Người nào nói rằng: ‘Ái là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Sự sanh và diệt của ái được nhận biết. Quả vậy, sự sanh và diệt của nó được nhận biết nên có điều như vậy khởi đến cho người ấy: ‘Tự ngã của tôi sanh lên và diệt mất.’ Do đó, người nào nói rằng: ‘Ái là tự ngã,’ điều ấy không đúng lý. Vì thế, ý không là tự ngã, các pháp không là tự ngã, ý thức không là tự ngã, ý xúc không là tự ngã, thọ không là tự ngã, ái không là tự ngã.

Này các tỳ khuu, đây là đường lối thực hành đưa đến việc tạo ra (sự chấp về) bản thân: Nhận xét về mắt rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về các sắc rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về nhãn thức rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về nhãn xúc rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về thọ rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ái rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về tai rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về mũi rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về lưỡi rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về thân rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— Nhận xét về ý rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về các pháp rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ý thức rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ý xúc rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về thọ rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ái rằng: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’

Này các tỳ khuu, đây là đường lối thực hành đưa đến việc diệt mất (sự chấp về) bản thân: Nhận xét về mắt rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về các sắc rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về nhãn thức rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về nhãn xúc rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về thọ rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ái rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về tai rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về mũi rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về lưỡi rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— về thân rằng: ‘Cái này là của tôi, —nt— Nhận xét về ý rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về các pháp rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ý thức rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ý xúc rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về thọ rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’ Nhận xét về ái rằng: ‘Cái này không là của tôi, cái này không là tôi, cái này không là tự ngã của tôi.’

Cakkhuñca bhikkhave, paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. So sukhāya vedanāya phuṭṭho samāno abhinandati abhivadati ajjhosāya tiṭṭhati. Tassa rāgānusayo anuseti. Dukkāya vedanāya phuṭṭho samāno socati kilamati paridevati urattāḷiṃ kandati sammohaṃ āpajjati. Tassa paṭighānusayo anuseti. Adukkhamasukhāya vedanāya phuṭṭho samāno tassā vedanāya samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādinavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ nappajānāti. Tassa avijjānusayo anuseti. So vata bhikkhave, sukhāya vedanāya rāgānusayaṃ appahāya dukkhāya vedanāya paṭighānusayaṃ appaṭivinodetvā adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayaṃ asamūhanitvā avijjaṃ appahāya vijjaṃ anuppādetvā diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro bhavissatī 'ti netāṃ ṭhānaṃ vijjati.

Sotañca bhikkhave paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ. —pe— Ghānañca bhikkhave, paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ. —pe— Jivhañca bhikkhave, paṭicca rase ca uppajjati jivhaviññāṇaṃ. —pe— Kāyañca bhikkhave, paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ. —pe— Manañca bhikkhave, paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. So sukhāya vedanāya phuṭṭho samāno abhinandati abhivadati ajjhosāya tiṭṭhati. Tassa rāgānusayo anuseti. Dukkāya vedanāya phuṭṭho samāno socati kilamati paridevati urattāḷiṃ kandati sammohaṃ āpajjati, tassa paṭighānusayo anuseti. Adukkhamasukhāya vedanāya phuṭṭho samāno tassā vedanāya samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādinavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ nappajānāti. Tassa avijjānusayo anuseti. So vata bhikkhave, sukhāya vedanāya rāgānusayaṃ appahāya dukkhāya vedanāya paṭighānusayaṃ appaṭivinodetvā adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayaṃ asamūhanitvā avijjaṃ appahāya vijjaṃ anuppādetvā diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro bhavissatī 'ti netāṃ ṭhānaṃ vijjati.

Cakkhuñca kho bhikkhave, paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhaviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. So sukhāya vedanāya phuṭṭho samāno nābhinandati, nābhivadati, nājjhosāya tiṭṭhati, tassa rāgānusayo nānuseti. Dukkāya vedanāya phuṭṭho samāno na socati, na kilamati, na paridevati, na urattāḷiṃ kandati, na sammohaṃ āpajjati, tassa paṭighānusayo nānuseti. Adukkhamasukhāya vedanāya phuṭṭho samāno tassā vedanāya samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādinavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ pajānāti, tassa avijjānusayo nānuseti. So vata bhikkhave, sukhāya vedanāya rāgānusayaṃ pahāya dukkhāya vedanāya paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayaṃ samūhanitvā avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro bhavissatī 'ti ṭhānametaṃ vijjati.

Này các tỳ khưu, liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, cảm thọ sanh lên, hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ lạc, thì vui sướng, ca tụng, bám víu, và tồn tại; đối với vị ấy, ái ngữ ngầm tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ khổ, thì sâu muộn, mệt nhọc, than vãn, khóc lóc đấm vào ngực, rơi vào mê muội; đối với vị ấy, bất bình ngữ ngầm tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ không khổ không lạc, thì không nhận biết sự sanh khởi, sự biến mất, sự khoái lạc, sự tai hại, và sự xuất ly đúng theo bản thể của thọ ấy; đối với vị ấy, vô minh ngữ ngầm tiềm ẩn. Này các tỳ khưu, vị ấy không dứt bỏ ái ngữ ngầm đối với thọ lạc, không trừ diệt bất bình ngữ ngầm đối với thọ khổ, không nhổ lên vô minh ngữ ngầm đối với thọ không khổ không lạc, không dứt bỏ vô minh, không làm cho mình sanh khởi, sẽ trở nên người có sự chấm dứt khổ đau ngay trong hiện tại; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khưu, liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, cảm thọ sanh lên, hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ lạc, thì vui sướng, ca tụng, bám víu, và tồn tại; đối với vị ấy, ái ngữ ngầm tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ khổ, thì sâu muộn, mệt nhọc, than vãn, khóc lóc đấm vào ngực, rơi vào mê muội; đối với vị ấy, bất bình ngữ ngầm tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ không khổ không lạc, thì không nhận biết sự sanh khởi, sự biến mất, sự khoái lạc, sự tai hại, và sự xuất ly đúng theo bản thể của thọ ấy; đối với vị ấy, vô minh ngữ ngầm tiềm ẩn. Này các tỳ khưu, vị ấy không dứt bỏ ái ngữ ngầm đối với thọ lạc, không trừ diệt bất bình ngữ ngầm đối với thọ khổ, không nhổ lên vô minh ngữ ngầm đối với thọ không khổ không lạc, không dứt bỏ vô minh, không làm cho mình sanh khởi, sẽ trở nên người có sự chấm dứt khổ đau ngay trong hiện tại; sự kiện này không được biết đến.

Này các tỳ khưu, liên quan đến mắt và các sắc, nhãn thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, cảm thọ sanh lên, hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ lạc, thì không vui sướng, không ca tụng, không bám víu, và tồn tại; đối với vị ấy, ái ngữ ngầm không tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ khổ, thì không sâu muộn, không mệt nhọc, không than vãn, không khóc lóc đấm vào ngực, không rơi vào mê muội; đối với vị ấy, bất bình ngữ ngầm không tiềm ẩn. Trong khi xúc chạm với thọ không khổ không lạc, thì nhận biết sự sanh khởi, sự biến mất, sự khoái lạc, sự tai hại, và sự xuất ly đúng theo bản thể của thọ ấy; đối với vị ấy, vô minh ngữ ngầm không tiềm ẩn. Này các tỳ khưu, vị ấy dứt bỏ ái ngữ ngầm đối với thọ lạc, trừ diệt bất bình ngữ ngầm đối với thọ khổ, nhổ lên vô minh ngữ ngầm đối với thọ không khổ không lạc, dứt bỏ vô minh, làm cho mình sanh khởi, sẽ trở nên người có sự chấm dứt khổ đau ngay trong hiện tại; sự kiện này được biết đến.

Sotañca bhikkhave, paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññāṇaṃ. —pe— Ghānañca bhikkhave, paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññāṇaṃ. —pe— Jivhañca bhikkhave, paṭicca rase ca uppajjati jivhāviññāṇaṃ. —pe— Kāyañca bhikkhave, paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññāṇaṃ. —pe— Manañca bhikkhave, paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ, tiṇṇaṃ saṅgati phasso, phassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā. So sukhāya vedanāya phuṭṭho samāno nābhinandati, nābhivadati, nājjhosāya tiṭṭhati, tassa rāgānusayo nānuseti. So<sup>1</sup> dukkhāya vedanāya phuṭṭho samāno na socati, na kilamati, na paridevati, na urattāḷiṃ kandati, na sammohaṃ āpajjati, tassa paṭighānusayo nānuseti. So<sup>1</sup> adukkhamasukhāya vedanāya phuṭṭho samāno tassā vedanāya samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ pajānāti, tassa avijjānusayo nānuseti. So vata bhikkhave, sukhāya vedanāya rāgānusayaṃ pahāya dukkhāya vedanāya paṭighānusayaṃ paṭivinodetvā adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayaṃ samūhanitvā avijjaṃ pahāya vijjaṃ uppādetvā diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro bhavissatī 'ti tñānametaṃ vijjati.

Evam passam bhikkhave, sutavā ariyasāvako cakkhusmiṃ nibbindati, rūpesu nibbindati, cakkhuviññāṇe nibbindati, cakkhusamphasse nibbindati, vedanāya nibbindati, taṇhāya nibbindati. Sotasmim nibbindati, saddesu nibbindati, —pe— Ghānasmim nibbindati, gandhesu nibbindati, —pe— Jivhāya nibbindati, rasesu nibbindati, —pe— Kāyasmim nibbindati, phoṭṭhabbesu nibbindati, —pe— Manasmim nibbindati, dhammesu nibbindati, manoviññāṇe nibbindati, manosamphasse nibbindati, vedanāya nibbindati, taṇhāya nibbindati. Nibbindam virajjati, virāgā vimuccati, vimuttasmim vimuttamiti ñāṇaṃ hoti: 'Khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇiyaṃ, nāparaṃ itthattāyā 'ti pajānāti 'ti.

Idamavoca bhagavā. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandun 'ti. Imasmiñca kho pana veyyākaraṇasmim bhaññamāne saṭṭhimattānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimuccisū 'ti.

### **Cha chakka suttaṃ chaṭṭhaṃ.**

--ooOoo--

<sup>1</sup> so - itisaddo Ma, PTS potthakesu na dissate.

Này các tỳ khưu, liên quan đến tai và các tiếng, nhĩ thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến mũi và các hương, tỷ thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến lưỡi và các vị, thiệt thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến thân và các xúc, thân thức sanh lên. —(như trên)— Này các tỳ khưu, liên quan đến ý và các pháp, ý thức sanh lên; sự tụ hội của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, cảm thọ sanh lên, hoặc là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ lạc, thì không vui sướng, không ca tụng, không bám víu, và tồn tại; đối với vị ấy, ái ngủ ngầm không tiềm ẩn. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ khổ, thì không sầu muộn, không mệt nhọc, không than vãn, không khóc lóc đấm vào ngực, không rơi vào mê muội; đối với vị ấy, bất bình ngủ ngầm không tiềm ẩn. Vị ấy, trong khi xúc chạm với thọ không khổ không lạc, thì nhận biết sự sanh khởi, sự biến mất, sự khoái lạc, sự tai hại, và sự xuất ly đúng theo bản thể của thọ ấy; đối với vị ấy, vô minh ngủ ngầm không tiềm ẩn. Này các tỳ khưu, vị ấy dứt bỏ ái ngủ ngầm đối với thọ lạc, trừ diệt bất bình ngủ ngầm đối với thọ khổ, nhổ lên vô minh ngủ ngầm đối với thọ không khổ không lạc, dứt bỏ vô minh, làm cho minh sanh khởi, sẽ trở nên người có sự chấm dứt khổ đau ngay trong hiện tại; sự kiện này được biết đến.

Này các tỳ khưu, trong khi thấy được như vậy, vị đệ tử của bậc Thánh, có sự học hỏi, nhằm chán ở mắt, nhằm chán ở các sắc, nhằm chán ở nhãn thức, nhằm chán ở nhãn xúc, nhằm chán ở thọ, nhằm chán ở ái; nhằm chán ở tai, nhằm chán ở các thính —(như trên)— nhằm chán ở mũi, nhằm chán ở các hương —(như trên)— nhằm chán ở lưỡi, nhằm chán ở các vị —(như trên)— nhằm chán ở thân, nhằm chán ở các xúc —(như trên)— nhằm chán ở ý, nhằm chán ở các pháp, nhằm chán ở ý thức, nhằm chán ở ý xúc, nhằm chán ở thọ, nhằm chán ở ái. Trong khi nhằm chán vị ấy ly tham ái, do ly tham ái vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: ‘Đã được giải thoát.’ Vị ấy biết được rằng: ‘Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa.’”[?]

Đức Thế Tôn đã nói điều này. Được hoan hỷ, các vị tỳ khưu ấy thỏa thích lời dạy của đức Thế Tôn.[?] Hơn nữa, trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi tỳ khưu ấy đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc, do không còn chấp thủ.

### **Kinh Giảng về Sáu Nhóm Sáu là thứ sáu.**

--ooOoo--